Quy tắc thêm s/ es trong tiếng Anh

Thêm s và es trong hai trường hợp sau:

TH1: Thêm s/ es vào động từ khi chia ở ngôi số ít của thì hiện tại đơn
TH2: Thêm s/ es vào danh từ có quy tắc ở dạng số nhiều.

Quy tắc thêm s/ es cho các từ trong tiếng Anh

- Quy tắc 1: Thêm es vào các động từ và danh từ có đuôi là **o, ch, s, x, sh, z. (O Chanh Sợ Xấu Shợ Zà).**
  Ví dụ: Brush >> Brushes; do>>does...
- Quy tắc 2: Chuyển y thành i và thêm es vào các động từ và danh từ có đuôi là phụ âm + y.
  Ví dụ: Study>>studies, Fry>>Fries...
- Quy tắc 3: Giữ nguyên y và thêm s và các danh từ, động từ có đuổi là nguyên âm (a, o, e, u, i) + y.
  Ví dụ: Stay>>Stays, Play>>Plays...
- Ngoài ra các trường hợp còn lại sẽ thêm s như bình thường.

3 quy tắc phát âm s và es

- Quy tắc 1: Phát âm là /iz/ với từ kết thúc bằng **/s/, /z/, /tʃ/, /ʃ/, /dʒ/, /ʒ/ (Sao Zặc Chẳng ʃợ dʒó ʒông)**
  Vd: buses, watches
- Quy tắc 2**: Phát âm là /s/ với từ kết thúc bằng: /t/, /p/, /k/ , /f/, /θ/ (tiền pay khắp fố thị)**
  Vd:wants, caps
- Quy tắc 3: Phát âm là /z/ với các từ còn lại
  Vd: zoos,

LIVEWORKSHEETS

Exercise 1: **Choose the word whose underlined part is pronounced different from the others.**

1.
A. watches
B. goes
C. dishes

2.
A. talks
B. reads
C. plays

3.
A. fixes
B. likes
C. washes

4.
A.cuts
B.stops
C. cries

5.
A. books
B. bags
C. maps

6.
A. catches
B. matches
C. hates

7.
A. pens
B. books
C. cups

8.
A. writes
B. hides
C. rides

9.
A. teaches
B. changes
C.cries

10.
A. plays
B. runs
C.hops

11.
A. closes
B.watches
C.tries

12.
A. passes
B. rushes
C. jumps

13.
A. sees
B.drinks
C. runs

14.
A. watches
B. finishes
C.cries

15.
A.sleeps
B. lives
C.laughs

16.
A.misses
B. lives
C. dances

17.
A. cries
B. buys
C.fixes

18.
A. bakes
B. flies
C.helps

19.
A. helps
B. walks
C. bakes

20.
A. boxes
B. fixes
C. cares

21.
A.leaves
B.kisses
C. gives

22.
A. sings
B. talks
C.smiles

23.
A. laughs
B. works
C. loves

24.
A. starts
B. stops
C. kisses

25.
A. brushes
B. believes
C. washes

26.
A. waits
B. walks
C. says

27.
A. needs
B. plants
C. develops

28.
A. touches
B. achieves
C. finishes

29.
A. drinks
B. runs
C. flies

30.
A. stays
B. brings
C.crops

31.
A. gives
B. misses
C. washes

32.
A. buses
B. boxes
C. books

33.
A. meets
B. runs
C. rides

34.
A. lives
B. leaves
C. likes

35.
A. plays
B. dances
C. sings

36.
A. tries
B. enjoys
C. likes

37.
A. eats
B. plays
C. takes

38.
A. finishes
B. catches
C. sings

39.
A. pushes
B. matches
C. drinks

40.
A. talks
B. washes
C. stops

LIVEWORKSHEETS